TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2023
V/v "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hân
Ông Nguyễn Duy Vững

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 191/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Xa Thị H, sinh năm 1982.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Khu A, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thắm - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Chị H và anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Thắm vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Xa Thị H trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 09/01/2018. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau dẫn đến đánh đập và xúc phạm nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng nhưng cuộc sống không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Văn H, sinh ngày 17/01/2018. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Văn L đã trình bày tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thời gian cưới, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như chị H trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, nhưng anh không nhất trí ly hôn vì thương con muốn con có cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn thì anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản làm việc với Trưởng khu và đại diện UBND xã M có nội dung:

Chị H và anh L kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu A, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Mâu thuẫn cụ thể địa phương không biết được. Từ tháng 01/2022 vợ chồng sống ly thân đến nay. Đề nghị căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự và con chung.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ L vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho đương sự.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị L 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Xa Thị H được ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn H, sinh ngày 17/01/2018 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Xa Thị H được miễn vì chị có đơn đề nghị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Xa Thị H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Bị đơn anh Trần Văn L đang cư trú tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] *Tại phiên tòa hôm nay* nguyên đơn chị Xa Thị H và anh Trần Văn L đều vắng mặt, tuy nhiên các bên đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn L và chị Xa Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ vào ngày 09/01/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Văn L và chị Xa Thị H được đại diện khu dân cư và Ủy ban nhân dân xã M cho biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh L và chị H cụ thể không nắm được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị phải sống ly thân. Tòa án đã kết hợp với cán bộ xã kiên trì hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Anh L không muốn ly hôn nhưng lại xác định tình cảm vợ chồng không còn mà chỉ muốn níu kéo quan hệ vợ chồng vì con chung là không phù hợp thực tế. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh L và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị H và anh L có 01 con chung tên là Trần Văn H, sinh ngày 17/01/2018, hiện nay đang ở với chị. Sau khi ly hôn cần chấp nhận sự thỏa thuận của 2 bên đương sự là tiếp tục giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H tự nguyện không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung cần chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị H và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị H không phải chịu theo quy định của pháp luật vì chị đã có đơn đề nghị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Xa Thị H được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Xa Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Trần Văn H, sinh ngày 17/01/2018, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Chị H và các thành viên gia đình không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Xa Thị H và anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Xa Thị H được miễn toàn bộ vì chị có đơn đề nghị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chị H đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số 3043/TB-TA, ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện YL;
- UBND xã M,
huyện YL, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Tuấn Anh